



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An trình bày Báo cáo này cùng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An, được cổ phần hóa theo quyết định số 3073/Q-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 2900326985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 02/6/2016; đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14/7/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 14/7/2021 là 36.699.990.000 VND (*Bằng chữ: Ba mươi sáu tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán UpCoM với mã chứng khoán là NAU.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại Số 360, đường Đặng Thai Mai, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Chí Thông	Chủ tịch HĐQT
	Ông Phú Văn Phụng	Thành viên
	Ông Phạm Quang Dự	Thành viên
	Ông Phạm Văn Dương	Thành viên
	Ông Nguyễn Công Đức	Thành viên
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Phú Văn Phụng	Giám đốc
	Ông Phạm Văn Dương	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Công Đức	Phó Giám đốc
	Ông Hoàng Trọng Tài	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Trí Dũng	Phó Giám đốc
<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Nguyễn Thị Ngọc Thủy	Trưởng Ban kiểm soát
	Ông Hoàng Nghĩa Chiến	Thành viên Ban kiểm soát
	Bà Lê Thị Tuyết Dung	Thành viên Ban kiểm soát

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH(TIẾP THEO)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



**Nguyễn Chí Thông**

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Vinh, ngày 15 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi :**        **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An được lập ngày 15/3/2022 từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

- Như được trình bày tại Thuyết minh 6.1 và 6.2, Công ty đang hạch toán giá vốn của hoạt động chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân là 16.347.833.292 đồng tương đương khoảng 80% doanh thu đã ghi nhận với số tiền là 20.150.485.023 đồng. Trên cơ sở bằng chứng kiểm toán đã thu thập, chúng tôi chưa đủ cơ sở để cho rằng ước tính trên là hợp lý.

- Như trình bày tại Thuyết minh 5.11, Công ty ghi nhận thiếu chi phí tiền lương phải trả người lao động trong báo cáo tài chính của các năm tài chính trước năm 2021. Nếu ghi nhận đầy đủ chi phí tiền lương phải trả người lao động thì khoản mục phải trả người lao động trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021 tăng 3.300.000.000 đồng và khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại cùng thời điểm giảm số tiền số tiền tương ứng; Đồng thời, trong năm 2021, Công ty hạch toán chi phí tiền lương phải trả người lao động phát sinh trước năm 2021 vào kết quả kinh doanh trong năm tài chính 2021 là 3.526.000.000 đồng. Nếu Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố theo đúng quy định hiện hành thì khoản mục Lợi nhuận kế toán trước thuế trong Báo cáo kết quả kinh doanh sẽ tăng với số tiền tương ứng;

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Tài Dũng**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 14/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Phó Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

**Nguyễn Trung Khánh**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1128-2018-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>55.229.276.311</b>	<b>57.848.940.103</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>7.692.709.563</b>	<b>6.669.885.523</b>
1. Tiền	111	5.1	7.692.709.563	6.669.885.523
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>20.990.565.487</b>	<b>15.980.258.436</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	6.501.520.100	6.001.400.199
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.690.000.000	5.750.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	13.121.474.387	4.551.287.237
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(322.429.000)	(322.429.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>23.007.081.346</b>	<b>32.854.849.271</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	23.007.081.346	32.854.849.271
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.538.919.915</b>	<b>2.343.946.873</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	-	2.404.207.455
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	(4.213.382)
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		3.664.000.115	69.033.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		(125.080.200)	(125.080.200)
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+260)	<b>200</b>		<b>118.479.568.758</b>	<b>112.228.501.226</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>281.280.938</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		281.280.938	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>112.819.790.544</b>	<b>106.117.447.752</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	112.819.790.544	106.117.447.752
- Nguyên giá	222		155.286.016.900	141.156.534.929
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.466.226.356)	(35.039.087.177)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>235.247.158</b>	<b>235.247.158</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		235.247.158	235.247.158
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.143.250.118</b>	<b>5.875.806.316</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	5.143.250.118	5.875.806.316
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>173.708.845.069</b>	<b>170.077.441.329</b>



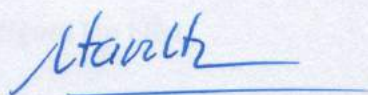
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300=310+330)	<b>300</b>		<b>56.466.930.896</b>	<b>49.853.322.181</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>54.993.506.234</b>	<b>46.556.560.281</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	4.019.311.647	32.000.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		252.900.430	211.450.205
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	2.777.144.648	2.991.147.688
4. Phải trả người lao động	314	5.11	(686.578.564)	(6.220.148.066)
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	1.351.806.719	3.946.540.251
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	46.996.744.994	44.644.226.609
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	-	730.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		282.176.360	221.343.593
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.473.424.662</b>	<b>3.296.761.900</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		93.000.000	92.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	1.380.424.662	3.204.761.900
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>117.241.914.173</b>	<b>120.224.119.148</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>37.457.719.098</b>	<b>37.338.575.497</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		36.699.990.000	36.699.990.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		435.110.860	338.325.387
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		322.618.238	300.260.110
- Lợi nhuận chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		-	300.260.110
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		322.618.238	
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>79.784.195.075</b>	<b>82.885.543.651</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	(917.770.832)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	5.16	79.784.195.075	83.803.314.483
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>173.708.845.069</b>	<b>170.077.441.329</b>

Vinh, ngày 15 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Mai Thị Thanh Hoa

Kế toán trưởng



Phạm Quang Dự



Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Chí Thông

**CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH  
ĐÔ THỊ NGHỆ AN**

360 đường Đặng Thai Mai, xã Hưng Đông, thành phố  
Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

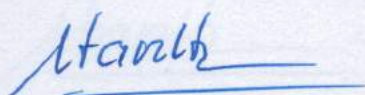
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	121.461.235.191	94.516.179.770
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		121.461.235.191	94.516.179.770
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	100.668.526.898	78.385.553.782
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		20.792.708.293	16.130.625.988
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	12.408.717	13.214.994
7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	22	6.4	219.470.559 219.470.559	430.317.169 430.317.169
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	19.546.582.866	15.909.856.687
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-26}	30		1.039.063.585	(196.332.874)
11. Thu nhập khác	31	6.6	71.823.032	907.012.200
12. Chi phí khác	32	6.7	304.341.021	12.400.000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(232.517.989)	894.612.200
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		806.545.596	698.279.326
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.8	161.309.119	97.759.106
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		645.236.477	600.520.220
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	114,28	106,36

Người lập biểu



Mai Thị Thanh Hoa

Kế toán trưởng



Phạm Quang Dự

Vinh, ngày 15 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch HĐQT  
  


Nguyễn Chí Thông

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

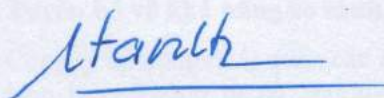
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		806.545.596	698.279.326
2 Điều chỉnh cho các khoản			3.627.490.330	3.391.941.377
- Khấu hao TSCĐ	02		3.408.019.771	2.961.624.208
- Chi phí lãi vay	06		219.470.559	430.317.169
3 Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		4.434.035.926	4.090.220.703
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(8.886.555.104)	(697.178.996)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		9.847.767.925	(32.679.684.455)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay thuế thu nhập phải nộp)	11		9.005.636.834	22.935.415.966
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.136.763.653	7.650.850.518
- Tiền lãi vay đã trả	14		(219.470.559)	(430.317.169)
- Thuế thu nhập đã nộp	15		(80.759.105)	(118.119.397)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		836.814.962	18.819.147.291
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17			(100.928.343)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>18.074.234.532</b>	<b>19.469.406.118</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(14.509.481.971)	(1.490.354.546)
2 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.408.717	13.214.994
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(14.497.073.254)</b>	<b>(1.477.139.552)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		990.000.000	1.600.000.000
2 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.544.337.238)	(16.025.238.100)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.554.337.238)</b>	<b>(14.425.238.100)</b>
<b>Lưu chuyển thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>1.022.824.040</b>	<b>3.567.028.466</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>6.669.885.523</b>	<b>3.102.857.057</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>7.692.709.563</b>	<b>6.669.885.523</b>

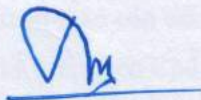
Vinh, ngày 15 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Mai Thị Thanh Hoa

Kế toán trưởng



Phạm Quang Dự

Chức tịch HĐQT



Nguyễn Chí Thông

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An tiền thân là Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An, được cổ phần hóa theo quyết định số 3073/Q-UBND ngày 3 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900326985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 02/6/2016; đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14/7/2021.

Vốn điều lệ Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 14/7/2021 là 36.699.990.000 VND (Bằng chữ: Ba mươi sáu tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán UpCoM với mã chứng khoán là NAU.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 360, đường Đặng Thai Mai, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Tổng lao động của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 515 người (tại ngày 31/12/2020 là 545 người).

#### 1.2 Ngành nghề kinh doanh

- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác (Quét thu gom rác đường, hè phố và các nơi công cộng thu gom rác thải: sinh hoạt, xây dựng, công nghiệp, cho các cơ quan đơn vị và đến tận các hộ gia đình, hút, thông tắc hầm cầu);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu (Bóc và vận chuyển rác về khu xử lý chất thải, tổ chức thu phí vệ sinh và thu gom rác trong khu dân cư;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Tái chế phế liệu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác, vận hành và duy tu bảo dưỡng nghĩa trang); Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ;
- Tư vấn xử lý môi trường.

Hoạt động chính của công ty trong năm là: Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác (Quét thu gom rác đường, hè phố và các nơi công cộng thu gom rác thải: sinh hoạt, xây dựng, công nghiệp, cho các cơ quan đơn vị và đến tận các hộ gia đình, hút, thông tắc hầm cầu).

#### 1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty không quá 12 tháng.

#### 1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

### 2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

#### 2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

#### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

#### Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

#### Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Phương tiện vận tải và truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

#### Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm: Công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí khác.

#### Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước (Tiếp theo)**

**Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Doanh thu chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân*

- Công trình nghĩa trang đã hoàn thành và chuyển giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng phần mộ cá nhân cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch chuyển quyền sử dụng phần mộ;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân.

**Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn của dịch vụ cung cấp trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Giá vốn chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân: Giá vốn chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân được ghi nhận phù hợp với phần doanh thu đã ghi nhận trong năm.

#### Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Chi phí tài chính khác.

#### Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ để tính thuế và các khoản lỗ từ các năm trước mang sang, nếu có.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường và chủ yếu hoạt động trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH****ĐÔ THỊ NGHỆ AN**

360 đường Đặng Thai Mai, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1.293.097.121	219.896.119
Tiền gửi ngân hàng	6.399.612.442	6.449.989.404
<b>Tổng</b>	<b>7.692.709.563</b>	<b>6.669.885.523</b>

**5.2 Phải thu khách hàng**

	31/12/2021(VND)		01/01/2021(VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP MT cây xanh Nghi Lộc	838.200.404	-	1.013.466.123	-
Công ty MT cây xanh Diễn Châu	588.078.430	-	507.069.827	-
UBND Thành phố Vinh	853.520.478	-	1.172.415.465	-
Công ty CP Dịch vụ MT đô thị Hoàng Mai	322.429.000	322.429.000	322.429.000	322.429.000
Xã Kim Liên	242.150.000	-	226.300.000	-
Xã Xuân Hòa - Nam Đàn	194.425.000	-	216.295.000	-
UBND xã Xuân Lâm	-	-	207.980.000	-
Khách hàng khác	3.462.716.788	-	2.335.444.784	-
<b>Tổng</b>	<b>6.501.520.100</b>	<b>322.429.000</b>	<b>6.001.400.199</b>	<b>322.429.000</b>

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2021(VND)		01/01/2021(VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Hoàng Minh	-	-	1.000.000.000	-
Công ty CP Chế biến gỗ và Xây dựng Hoàng Quân	-	-	4.600.000.000	-
Công ty CP Du lịch Môi trường Cửa Lò	1.512.000.000	-	-	-
Đối tượng khác	178.000.000	-	150.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>1.690.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.750.000.000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH****ĐÔ THỊ NGHỆ AN**

360 đường Đặng Thai Mai, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.4 Phải thu khác**

	31/12/2021(VND)		01/01/2021(VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Trương Sỹ Đông	550.000.000	-	150.000.000	-
Hoàng Thị Việt Hà	650.000.000	-	210.000.000	-
Hồ Sỹ Thông	605.000.000	-	420.000.000	-
Nguyễn Thị Âu Huyền	706.000.000	-	243.000.000	-
Nguyễn công Đức	4.360.000.000	-	135.000.000	-
Các khoản tạm ứng khác	6.250.474.387	-	3.112.006.299	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	281.280.938	-
<b>Tổng</b>	<b>13.121.474.387</b>	<b>-</b>	<b>4.551.287.237</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản tạm ứng để triển khai hợp đồng số 06/2021/HĐKT ngày 31/12/2021 giữa Chủ đầu tư là UBND thành phố Vinh và nhà thầu là Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An về việc Cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố Vinh năm 2022.

**5.5 Nợ xấu**

	31/12/2021(VND)		01/01/2021(VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty CP Dịch vụ MT đô thị Hoàng Mai	322.429.000	-	322.429.000	-
<b>Tổng</b>	<b>322.429.000</b>	<b>-</b>	<b>322.429.000</b>	<b>-</b>

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2021(VND)		01/01/2021(VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	172.950.468	-	28.663.088	-
Công cụ, dụng cụ	517.655.177	-	136.326.821	-
Chi phí SXKD dở dang (*)	22.316.475.701	-	32.689.859.362	-
<b>Tổng</b>	<b>23.007.081.346</b>	<b>-</b>	<b>32.854.849.271</b>	<b>-</b>

(\*) Theo các quyết định giao đất của UBND tỉnh Nghệ An, UBND tỉnh Nghệ An giao đất cho Công ty CP Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An thực hiện một số dự án đầu tư xây dựng nghĩa trang nhằm phục vụ việc di dời mồ mã cho các dự án trên địa bàn Thành phố Vinh, đồng thời phục vụ chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân đã hoàn thành xây dựng hạ tầng cho các cá nhân có nhu cầu. Khoản chi phí SXKD dở dang trên là các chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng dở dang các nghĩa trang Nghi Kim, Nghi Liên và nghĩa trang Cồn Vàng.

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÓ THỊ NGHỆ AN  
360 đường Đặng Thai Mai, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Đơn vị tính: VND
					Tổng
Nguyên giá					
Số dư tại 01/01/2021	108.366.705.809	-	32.096.177.892	693.651.228	141.156.534.929
Tăng trong năm	3.379.636.244	-	10.929.845.727	425.176.364	14.734.658.335
- Mua trong năm	3.379.636.244	-	8.538.975.454	200.000.000	12.118.611.698
- Phân loại lại	-	-	-	225.176.364	225.176.364
- Sửa chữa lớn	-	-	2.390.870.273	-	2.390.870.273
Giảm trong năm	225.176.364	-	380.000.000	-	605.176.364
- Phân loại lại	225.176.364	-	-	-	225.176.364
- Giảm khác	-	-	380.000.000	-	380.000.000
Số dư tại 31/12/2021	111.521.165.689	-	42.646.023.619	1.118.827.592	155.286.016.900
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại 01/01/2021	10.480.483.757	-	23.982.860.826	575.742.594	35.039.087.177
Tăng trong năm	4.621.107.500	-	2.730.989.695	86.707.502	7.438.804.697
- Khấu hao trong năm	590.322.574	-	2.730.989.695	86.707.502	3.408.019.771
- Hao mòn trong năm (*)	4.019.119.408	-	-	-	4.019.119.408
- Tăng khác	11.665.518	-	-	-	11.665.518
Giảm trong năm	-	-	-	11.665.518	11.665.518
- Giảm khác	-	-	-	11.665.518	11.665.518
Số dư tại 01/01/2021	15.101.591.257	-	26.713.850.521	650.784.578	42.466.226.356
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2021	97.886.222.052	-	8.113.317.066	117.908.634	106.117.447.752
Tại ngày 31/12/2021	96.419.574.432	-	15.932.173.098	468.043.014	112.819.790.544

(\*) Trong năm 2021, Công ty đã xác định hao mòn đối với tài sản cố định do Nhà nước giao quản lý, sử dụng không tính thành phần vốn của Nhà nước tại công ty. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2021 là 1.321.925.938 VND (tại ngày 01/01/2021 là 900.572.794 VND). Nguyên giá TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 7.285.322.848 VND (tại ngày 01/01/2021 là 2.678.196.667 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.8 Chi phí trả trước**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	-	2.404.207.455
Công cụ, dụng cụ, chi phí trả trước khác chờ phân bổ	-	2.404.207.455
<b>Dài hạn</b>	5.143.250.119	5.875.806.316
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.378.003.508	5.875.806.316
Sửa chữa tài sản cố định	3.001.199.355	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	764.047.256	-
<b>Tổng</b>	<b>5.143.250.119</b>	<b>8.280.013.771</b>

**5.9 Phải trả người bán**

	31/12/2021(VND)		01/01/2021(VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Hoàng Minh	818.476.000	818.476.000	-	-
Công ty CP Dịch vụ tổng hợp	2.420.328.447	2.420.328.447	-	-
Thương mại Trường An	780.507.200	780.507.200	32.000.000	32.000.000
Các đối tượng khác				
<b>Tổng</b>	<b>4.019.311.647</b>	<b>4.019.311.647</b>	<b>32.000.000</b>	<b>32.000.000</b>

**CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÓ THỊ NGHỆ AN**  
360 đường Đặng Thai Mai, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.10 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu nhà nước**

Phải nộp	01/01/2021	Phải nộp	Đã nộp	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.746.110.913	6.631.786.677	7.504.946.344	1.872.951.246
Thuế thu nhập doanh nghiệp	50.759.105	161.309.119	80.759.105	131.309.119
Thuế thu nhập cá nhân	10.008.700	-	10.008.700	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	259.202.160	259.202.160	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	184.268.970	772.884.283	184.268.970	772.884.283
<b>Tổng</b>	<b>2.991.147.688</b>	<b>7.825.182.239</b>	<b>8.039.185.279</b>	<b>2.777.144.648</b>

Phải thu	01/01/2021	Đã thu	Phải thu	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	340.327.432	3.935.294.547	3.594.967.115
Thuế thu nhập doanh nghiệp	69.033.000	-	-	69.033.000
<b>Tổng</b>	<b>69.033.000</b>	<b>340.327.432</b>	<b>3.935.294.547</b>	<b>3.664.000.115</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.11 Phải trả công nhân viên**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả người lao động (*)	(686.578.564)	(6.220.148.066)
<b>Tổng</b>	<b>(686.578.564)</b>	<b>(6.220.148.066)</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2021, số dư tài khoản Phải trả người lao động âm 686.578.564 đồng do công ty hạch toán thiếu chi phí tiền lương phải trả người lao động các năm trước năm 2021 với số tiền là 3.300.000.000 đồng

**5.12 Chi phí phải trả**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	154.629.333
Tiền thuê xe (vận chuyển, hút bùn, ủi)	755.100.000	1.717.480.800
Tiền lương	-	837.989.000
Chi phí phải trả khác	596.706.719	1.236.441.118
<b>Tổng</b>	<b>1.351.806.719</b>	<b>3.946.540.251</b>

**5.13 Phải trả khác**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	(934.683.265)	(928.301.444)
Bảo hiểm xã hội	852.157.102	-
Thuế GTGT của XNNT	(3.880.000)	(3.880.000)
Thu giá dịch vụ quyết toán năm sau (*)	10.289.616.412	5.411.745.574
Công trình nghĩa trang Nghi Kim, Nghi Liên và Cồn Vàng (**)	34.378.671.264	37.583.165.264
Chi phí xử lý bãi rác Đông Vinh	-	-
Kinh phí xử lý rác của XN Dịch vụ	952.315.146	747.669.354
Kinh phí phòng cháy chữa cháy KLH	200.000.000	-
Kinh phí phòng chống covid	182.358.000	-
Tạm thu đặt cọc	130.000.000	-
Các khoản phải trả khác	950.190.335	1.833.827.861
<b>Tổng</b>	<b>46.996.744.994</b>	<b>44.644.226.609</b>

(\*) Số tiền thu giá dịch vụ trên là giá trị thu từ 20/12/2021 đến ngày 31/12/2021. Hàng năm, Công ty quyết toán và nộp tiền thu giá dịch vụ từ 20/12 đến ngày 19/12 năm sau. Số tiền thu giá dịch vụ trên Sẽ được quyết toán và nộp trong năm 2022.

(\*\*) Giá trị ứng trước của khách hàng để nhận chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân tại các nghĩa trang Nghi Kim, Nghi Liên và nghĩa trang Cồn Vàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.14 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2021(VND)		Phát sinh trong năm (VND)			01/01/2021(VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>							
Trần Thị Hoa	-	-	-	730.000.000	730.000.000	730.000.000	730.000.000
Lê Thị Mai	-	-	-	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Lê Thị Hồng Kỳ	-	-	-	430.000.000	430.000.000	430.000.000	430.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>1.380.424.662</b>	<b>1.380.424.662</b>	<b>990.000.000</b>	<b>2.814.337.238</b>	<b>3.204.761.900</b>	<b>3.204.761.900</b>	<b>3.204.761.900</b>
Hoàng Thị Hồng	-	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (*)	990.000.000	990.000.000	990.000.000	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV tài chính TOYOTA Việt Nam (**)	390.424.662	390.424.662	-	314.337.238	704.761.900	704.761.900	704.761.900
<b>Tổng</b>	<b>1.380.424.662</b>	<b>1.380.424.662</b>	<b>990.000.000</b>	<b>3.544.337.238</b>	<b>3.934.761.900</b>	<b>3.934.761.900</b>	<b>3.934.761.900</b>

(\*) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số: 01/2021/8142103/HETD; Hạn mức tín dụng: 4.000.000.000 đồng; Thời hạn: 60 tháng; Lãi suất: 10,5%; Mục đích vay: cho vay đầu tư tài sản cố định; Tài sản đảm bảo: Xe ô tô tài Forland Thaco FD 490. BKS: 37C-410.04 và xe ô tô tài Forland Thaco FD 250. BKS: 37C-408.57

(\*\*) Khoản vay theo HĐ tín dụng số 1000455812 ngày 14/02/2020; Mục đích: mua xe ô tô; Số tiền: 800.000.000 đồng; Thời hạn: 84 tháng; Lãi suất: 6,99%/năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.15 Vốn chủ sở hữu**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

*Đơn vị tính: VND*

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư ngày 01/01/2020	36.699.990.000	248.247.354	262.238.794	37.210.476.148
Lãi năm trước	-	-	600.520.220	600.520.220
Chia cổ tức	-	-	(262.238.794)	(262.238.794)
Trích lập quỹ	-	90.078.033	(300.260.110)	(210.182.077)
<b>Số dư ngày 31/12/2020</b>	<b>36.699.990.000</b>	<b>338.325.387</b>	<b>300.260.110</b>	<b>37.338.575.497</b>
Số dư ngày 01/01/2021	36.699.990.000	338.325.387	300.260.110	37.338.575.497
Lãi năm nay	-	-	645.236.477	645.236.477
Chia cổ tức (*)	-	-	(300.260.110)	(300.260.110)
Trích lập quỹ (**)	-	96.785.473	(322.618.239)	(225.832.766)
<b>Số dư ngày 31/12/2021</b>	<b>36.699.990.000</b>	<b>435.110.860</b>	<b>322.618.238</b>	<b>37.457.719.098</b>

(\*) Theo Nghị quyết số 05/NQ-ĐHCD ngày 30/6/2021 của Đại hội cổ đông và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐQT ngày 5/7/2021 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thực hiện chia cổ tức năm 2020 với tỷ lệ 0,81% tương đương 300.260.110 đồng và trích Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền lần lượt là 90.078.033 đồng và 210.182.077 đồng.

(\*\*) Công ty trích lập Quỹ đầu tư phát triển với số tiền 96.785.473 đồng và Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền 225.832.766 đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2021 tương ứng tỷ lệ lần lượt là 15%, 35% căn cứ vào Nghị quyết số 05/NQ-ĐHCD ngày 30/6/2021.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Vốn góp của UBND tỉnh Nghệ An	29.652.990.000	29.652.990.000
Vốn góp của cán bộ công nhân viên Công ty	7.047.000.000	7.047.000.000
<b>Tổng</b>	<b>36.699.990.000</b>	<b>36.699.990.000</b>

c) Các giao dịch về vốn

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	36.699.990.000	36.699.990.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	36.699.990.000	36.699.990.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	300.260.110	262.238.794

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

*d) Cổ tức*

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	0,81%	0,71%

*e) Cổ phiếu*

	<u>31/12/2021</u> <u>Cổ phiếu</u>	<u>01/01/2020</u> <u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.669.999	3.669.999
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.669.999	3.669.999
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.669.999	3.669.999
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

**5.16 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ đầu năm	<b>79.608.377.483</b>	<b>86.525.008.067</b>
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ tăng trong năm	4.194.937.000	
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ giảm trong năm	4.019.119.408	6.916.630.584
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ cuối năm (*)	<b>79.784.195.075</b>	<b>79.608.377.483</b>

(\*) Tài sản cố định hình thành từ nguồn kinh phí này là Khu liên hợp xử lý rác thải Nghi Yên và một số tài sản khác liên quan. Các tài sản này được UBND tỉnh Nghệ An giao cho Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An quản lý, không tính là thành vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và được tính hao mòn theo quy định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	101.310.750.168	75.553.467.564
Doanh thu chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân	20.150.485.023	18.962.712.206
<b>Tổng</b>	<b>121.461.235.191</b>	<b>94.516.179.770</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	84.320.693.606	63.270.285.809
Giá vốn chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân	16.347.833.292	15.115.267.973
<b>Tổng</b>	<b>100.668.526.898</b>	<b>78.385.553.782</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.408.717	13.214.994
<b>Tổng</b>	<b>12.408.717</b>	<b>13.214.994</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	219.470.559	430.317.169
<b>Tổng</b>	<b>219.470.559</b>	<b>430.317.169</b>

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.322.165.990	6.776.557.446
Chi phí vật liệu quản lý	461.524.268	436.122.939
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.150.259.328	902.663.368
Chi phí khấu hao TSCĐ	749.056.228	535.062.282
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.529.839.247	1.016.626.730
Chi phí bằng tiền khác	5.333.737.805	6.242.823.922
<b>Tổng</b>	<b>19.546.582.866</b>	<b>15.909.856.687</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.6 Thu nhập khác	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu xử lý rác	-	874.492.150
Thu nhập khác	71.823.032	32.520.050
<b>Tổng</b>	<b>71.823.032</b>	<b>907.012.200</b>
6.7 Chi phí khác	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Truy thu thuế TNDN	170.864.000	-
Chi phí khác	133.477.021	12.400.000
<b>Tổng</b>	<b>304.341.021</b>	<b>12.400.000</b>
6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	806.545.596	698.279.326
- Chi phí không được trừ khác	-	-
- Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	806.545.596	698.279.326
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>161.309.119</b>	<b>139.655.865</b>
Thuế TNDN được giảm theo quy định của NĐ 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021	-	41.896.760
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>161.309.119</b>	<b>97.759.106</b>
6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	645.236.477	600.520.220
Các khoản điều chỉnh giảm		
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	(225.832.766)	(210.182.077)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>419.403.711</b>	<b>390.338.143</b>
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	3.669.999	3.669.999
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>114,28</b>	<b>106,36</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.883.942.652	7.107.505.517
Chi phí nhân công	63.713.030.324	45.295.890.268
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.408.019.771	2.961.624.208
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.401.450.170	26.498.162.617
Chi phí khác bằng tiền	16.684.142.896	12.643.756.752
<b>Tổng</b>	<b>104.090.585.813</b>	<b>94.506.939.362</b>

**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin các bên liên quan**

*a) Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác:*

Hội đồng Quản trị	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Nguyễn Chí Thông	Chủ tịch HĐQT	220.406.000	95.170.000
Phú Văn Phụng	Thành viên HĐQT (Giám đốc)	196.951.000	201.762.000
Phạm Văn Dương	Thành viên HĐQT (Phó giám đốc)	162.493.000	174.997.000
Nguyễn Công Đức	Thành viên HĐQT (Phó giám đốc)	158.158.460	164.915.000
Phạm Quang Dự	Thành viên HĐQT (Kế toán trưởng)	163.514.000	165.120.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>901.522.460</b>	<b>801.964.000</b>

Ban kiểm soát	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Nguyễn Thị Ngọc Thủy	Trưởng ban kiểm soát	65.805.000	-
Lê Thị Tuyết Dung	Kiểm soát viên	107.337.000	105.717.410
Hoàng Nghĩa Chiến	Kiểm soát viên	49.683.000	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>222.825.000</b>	<b>105.717.410</b>

*b) Số dư với Bên liên quan*

Khoản mục/Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tạm ứng		4.360.000.000	135.000.000
Nguyễn Công Đức	Phó Giám đốc	4.360.000.000	135.000.000

**CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH  
ĐÔ THỊ NGHỆ AN**  
360 đường Đặng Thai Mai, xã Hưng Đông, thành phố  
Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

**Mẫu số B 09 - DN**  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

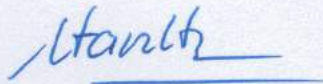
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**7.2 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến ngoại trừ.

Vinh, ngày 15 tháng 3 năm 2022

**Người lập biểu**



**Mai Thị Thanh Hoa**

**Kế toán trưởng**



**Phạm Quang Dự**

**Chủ tịch HĐQT**



**Nguyễn Chí Thông**